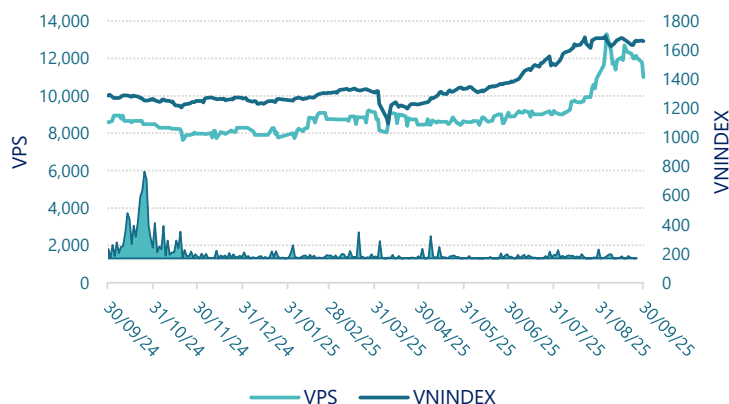


CTCP Thuốc sát trùng Việt Nam (HSX: VPS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	11,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	13,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,628
SL cổ phiếu LH	24,460,792
KLGD BQ 20 phiên (CP)	25,795
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	269
P/E	12.7
EPS	869

DT thuần

Q3/25

148

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 16.0 | 12.5%

YoY: ▼ 17.0 | -10.0%

LN sau thuế

Q3/25

6.68

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.61 | -8.4%

YoY: ▼ 1.45 | -17.8%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

5.6%

+/- YoY: ▼ 0.8%

DT thuần

9T 2025

326

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 44.0 | -11.8%

LN sau thuế

9T 2025

7.65

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 2.85 | -27.1%

ROE

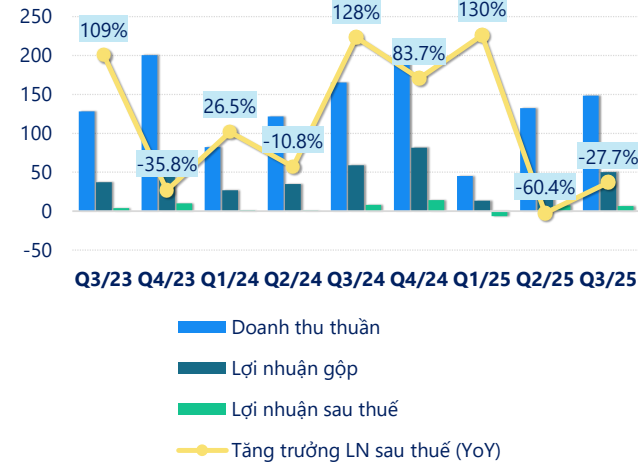
Q3/25

6.4%

+/- YoY: ▲ 0.4%

tỷ VNĐ

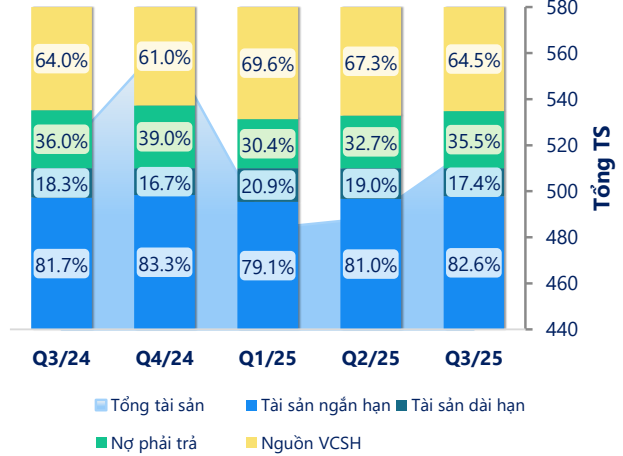
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

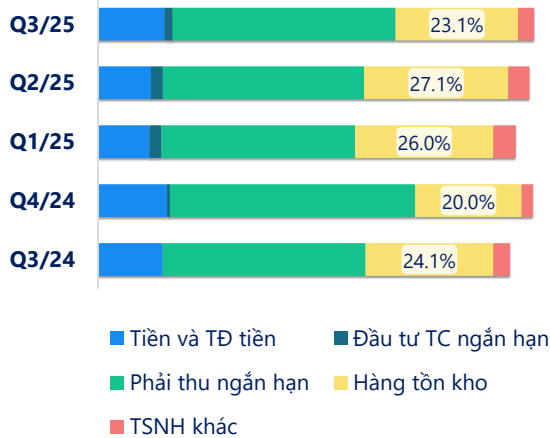
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



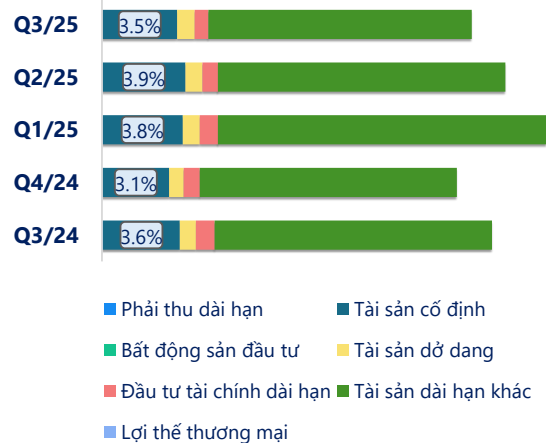
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

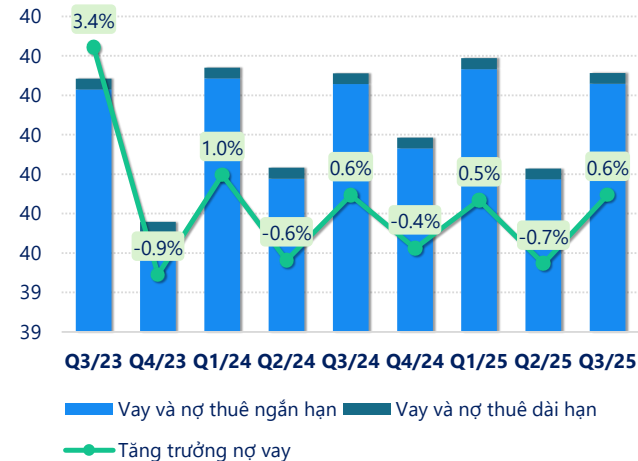
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

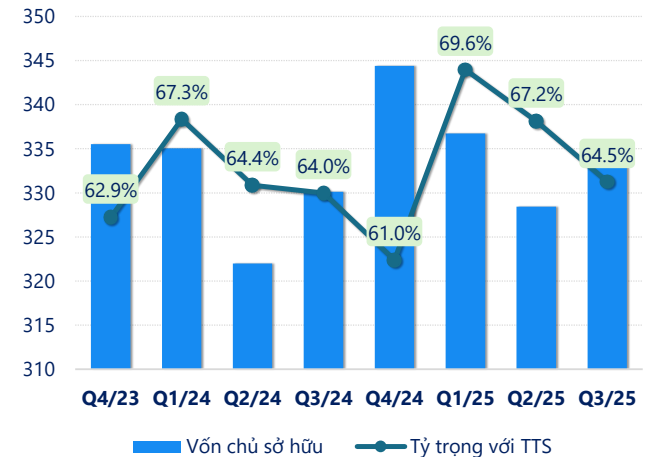
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



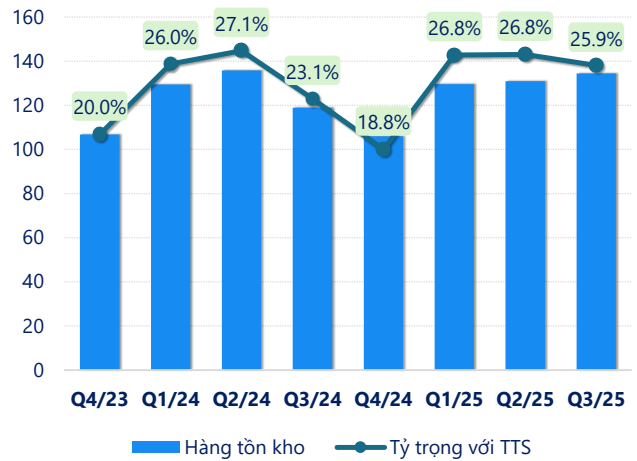
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

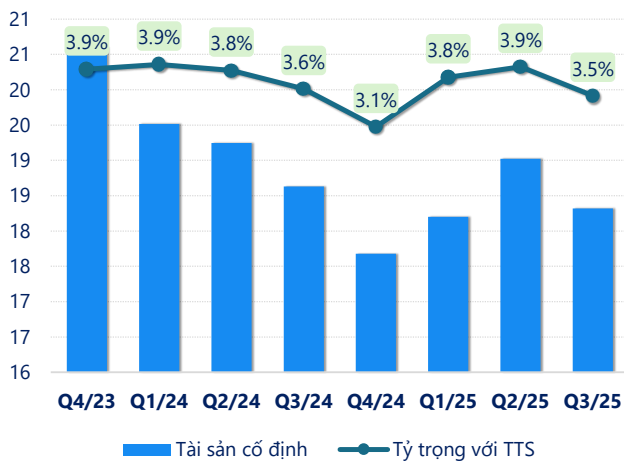

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


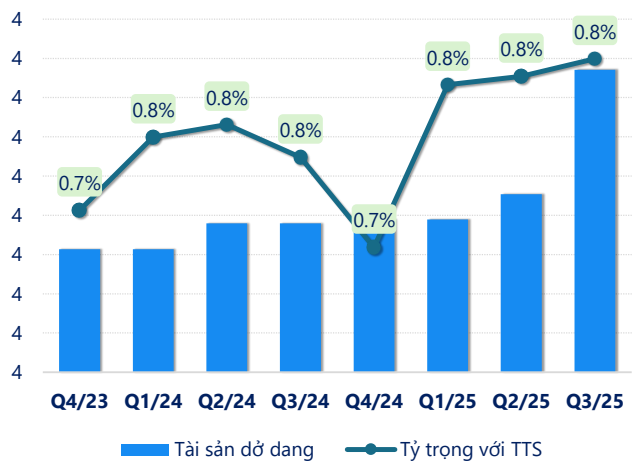
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

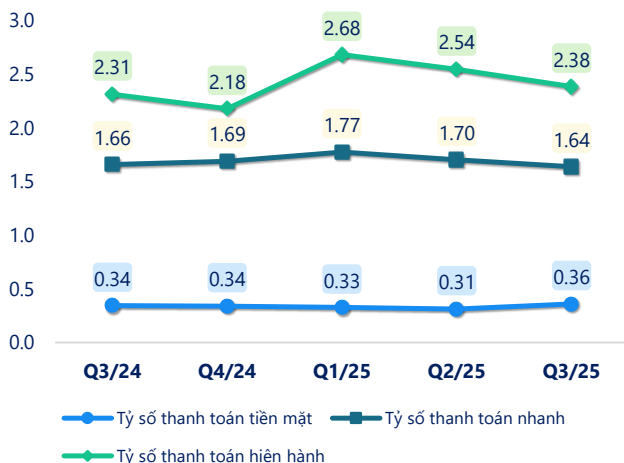
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

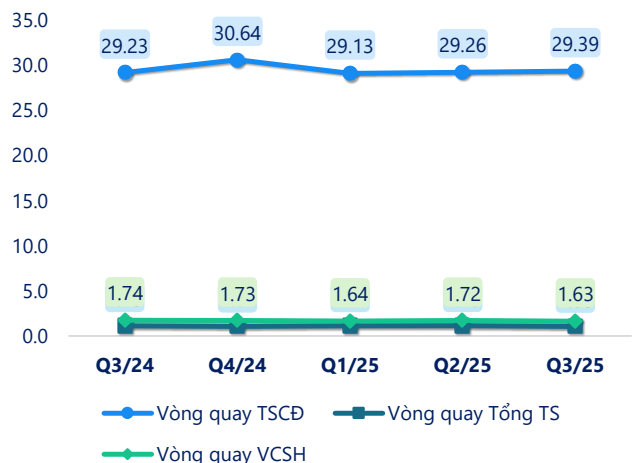
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	516	565	484	488	520
Tài sản ngắn hạn	421	471	383	396	429
Tiền và tương đương tiền	62.4	73.3	46.6	48.5	64.7
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.00	8.00	8.00	8.00	8.00
Phải thu ngắn hạn	216	273	185	190	207
Hàng tồn kho	119	106	130	131	134
Tài sản ngắn hạn khác	15.4	10.0	13.5	18.5	15.3
Tài sản dài hạn	94.6	94.2	101	92.7	90.3
Phải thu dài hạn	0.26	0.16	0.16	0.12	0.08
Tài sản cố định	18.6	17.7	18.2	19.0	18.3
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	3.88	3.89	3.89	3.95	4.27
Đầu tư tài chính dài hạn	4.57	4.28	4.13	3.50	3.33
Tài sản dài hạn khác	67.2	68.2	74.8	66.1	64.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	186	220	147	160	184
Nợ ngắn hạn	182	216	143	156	180
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.9	39.8	40.0	39.7	39.9
Phải trả người bán ngắn hạn	79.3	96.0	67.5	68.0	85.0
Nợ dài hạn	3.33	4.29	4.29	4.29	4.29
Vay và nợ thuê dài hạn	0.03	0.03	0.03	0.03	0.03
Nguồn vốn chủ sở hữu	330	345	337	329	335
Vốn chủ sở hữu	330	344	337	328	335
Vốn điều lệ	245	245	245	245	245
Kinh phí và quỹ khác	0.13	0.13	0.13	0.13	0.13

(Nguồn: fireant.vn)